|  |  |
| --- | --- |
| E:\Pictures\Logos\CAAV\CAAV-Logo.2016\Logo big.JPG | **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM**  **119 Nguyen Son Street, Long Bien District, Ha Noi**  **Socialist Republic of Viet Nam** |

Tel. (84 24) 3827 1353, Fax: (84 24) 3827 1933, E: AvSec@caa.gov.vn; W: caa.gov.vn

**QUESTIONAIRE FOR THE ASSESSMENT**

(COPY FOR AIRCRAFT OPERATOR – ALL CARGO)

Name of operator:

Country / territory ofregistered:

Names of your station airport (s) in Viet Nam:

Name & title of the person who complete the questionaire:

Email:

Tel/Mobiphone No:

Location:

Date:

**CHECK LIST OF THE DOSSIER FOR APPROVAL OF FOREIGN AIRCRAFT OPERATOR SECURITY PROGRAMME (AOSP) / DANH MỤCHỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHƯƠNGTRÌNHANNINHHÀNGKHÔNGCỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI (AOSP)**

1. Letter of submission AOSP / Công văn đề nghị chấp thuận Chương trình ANHK

1.1. A letter submit the AOSP by the airlines (Annex No. V, Circular 01/2016/TT-BGTVT date 01 February 2016) / Công văn trình AOSP của hãng hàng không (Phụ lục số V, Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016): Yes / Có

1.2. Should the submission made by an Vietnamese agent on behalf of the airlines, a power of attorney letter is mandatory / Công văn ủy quyền nếu tổ chức Việt Nam thay mặt hãng hàng không trình AOSP:

Yes / Có Not applicable / Không áp dụng

2. A copy of AOSP / Chương trình ANHK:

2.1. Soft-copy / Bản điện tử

2.2. Hard-copy / Print-copy / Bản giấy

Number of Hard-copies submitted / Số lượng bản giấy

2.3. Language of the AOSP / Ngôn ngữ của Chương trình ANHK

English / Tiếng Anh  Vietnamese / Tiếng Việt Others language / Ngôn ngữ khác

3. A copy of ASOP approval by the national aviation security authority where foreign aircraft operator registered / Văn bản phê chuẩn của Nhà chức trách ANHK nơi hãng đăng ký:

3.1. Full name of approval authority / Tên đầy đủ của Nhà chức trách ANHK:

3.2. A copy of approval is attached / Văn bản phê chuẩn của Nhà chức trách ANHK đính kèm:

Yes/ Có

English / Tiếng Anh  Vietnamese / Tiếng Việt Others language / Ngôn ngữ khác

Note / Ghi chú: Should the approval is in the other language, a translation of English/Vietnamese is required / Văn bản phê chuẩn là ngôn ngữ khác, yêu cầu bản dịch tiếng Anh /Việt Nam.

4. A completed pre-assessment questionnaire by Foreign Airlines to find out differences (if any) between their AOSP and the Viet Nam regulations (this questinonaire) / Bảng đánh giá của hãng hàng không nước ngoài về những khác biệt (nếu có) giữa chương trình ANHK của hãng hàng không và quy định của Việt Nam (Bảng câu hỏi này): Yes / Có

**EVALUATION ON CONTENT OF AOSP WHICH IS DIFFERENT WITH VIETNAM LAW**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KHÁC BIỆT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ANHK CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

# 1. COMMON EVALUATION / ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

## 1.1 Contact point of aviation security/Các đầu mối liên hệ về ANHK

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 1.2 Aviation secutiry organization of the carrier/Tổ chức, bộ máy ANHK của hãng

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 1.3 Head of Aviation security department of the airlines/Người đứng đầu/chịu trách nhiệm ANHK của hãng

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 1.4 Designate and inform the CAAV about the person who directly take comprehensive responsibilities to ensure aviation security of its operation within Vietnam (Item 6, Article 115/Circular 01)/Chỉ định người chịu trách nhiệm về ANHK của hãng tại Việt Nam (Khoản 6, [Điều 115/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_115_K6))

Full Name/Họ tên:

Position/Chức danh:

Contact address/Địa chỉ liên hệ:

Viet Nam Fixed telephone & Mobiphone No./Số điện thoại cố định & di động ở Việt Nam:

Email address /Địa chỉ hộp thư:

## 1.5 The aircraft commander: responsibility and authority/Người chỉ huy tàu bay: trách nhiệm/quyền hạn

When aircraft is in flight, the pilot-in-command shall be responsible for ensuring security, maintaining public order on board the aircraft; authorize to apply measures to prevent, restrain and respond to acts of unlawful interference, acts in violation of regulations on aviation safety assurance, acts of disturbance violating social order and safety, non-compliance with requests and instructions of the flight crew in accordance with law; and hand those who have committed such acts to competent slate agencies when the aircraft lands at the next airport. The pilot-in-command shall be in charge of arranging security supervision and maintaining order on board during flight(Item 3, Article 70/Circular 01).

Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay; được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, hành vi gây rối, vi phạm trật tự kỷ luật, không tuân thủ yêu cầu, hướng dẫn của tổ bay theo quy định pháp luật; tổ chức bàn giao người vi phạm, tang vật và biên bản hoặc báo cáo vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Người chỉ huy tàu bay tổ chức việc giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay trong suốt chuyến bay.(Khoản 3, Điều 70/TT 01).

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 1.6 Security Policy Statement/Chính sách ANHK/Tuyên bố bảo đảm ANHK

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 1.7 Sensitive Security Information document and the issuing, monitoring, providing, supplementing and amending security document (Article 10/Circular 01)/Kiểm soát chương trình và các thông tin ANHK hạn chế ([Điều 10/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_010))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 1.8 Other issues/Các vấn đề khác:

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 1.9 Reporting: policy, mechanism, content and channel for report security matter (not include the incident/accident report) – if any /Báo cáo: cơ chế, chính sách, kênh báo cáo, các nội dung báo cáo (ngoại trừ các báo cáo sự cố) - nếu có

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

**1.10 Your airlines AOSP is developed based on or similar to the ICAO Doc 8973/9 RESTRICTED Appendix 24. Aircraft operator security programme/AOSP của hãng được xây dựng trên hoặc tương tự mẫu của ICAO Doc 8973/9 RESTRICTED Appendix 24**

Yes / Có:  No /Không:

# 2. EVALUATION ON PREVENTIVE SECURITY/ĐÁNH GIÁ VỀ AN NINH PHÒNG NGỪA

## 2.1 Control and monitor the security of aircraft, security on flights/Kiểm soát & giám sát an ninh đối với tàu bay, đảm bảo an ninh trên chuyến bay

2.1.1 Ensuring security of aircraft not in operation/ Bảo đảm an ninh khi tàu bay không khai thác:

Prevention of unauthorized access to aircraft; Security patrols; Preflight precautions/Bảo vệ tàu bay khi không khai thác / kiểm soát tiếp cận tàu bay / niêm phong

a) When aircrafts are not in operation, it must be subject to measures as specified in clause 1 this article and meet the following requirements: (Article 67/Circular 01)/Khi tàu bay không khai thác phải thực hiện các yêu cầu sau: (Điều 67/TT 01)

Passenger stairs, aero-bridges conveyor belt and other service vehicles must be removed away from the aircraft/Cầu thang, cầu ống dẫn khách, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay:

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) Aircraft operators shall be responsible for closing and locking their aircraft’s doors;sealing aircraft door; aircraft parking at apron must be under night lighting system(Article 67/Circular 01)/Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm đóng, khoá cửa tàu bay; niêm phong cửa tàu bay; tàu bay đỗ ban đêm phải được chiếu sáng.(Điều 67/TT 01)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.1.2 Ensuring security of aircraft in operation/ Bảo đảm an ninh khi tàu bay đang khai thác:

Pre-flight security check(Article 68/Circular 01)/Kiểm tra an ninh trước chuyến bay. (Điều 68/TT 01)

a) Before or after embarkation and disembarkation of passengers, baggage, cargo, parcels, courier and mail, air carriers shall carry out security check of the aircraft in order to detect dangerous items or any persons hidden in the aircraft. Air carriers shall have to provideprocedures and process of security check in their AOSP/Trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi lên tàu bay và sau khi hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi xuống hết khỏi tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra an ninh hàng không tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay. Người khai thác tàu bay phải quy định chi tiết quy trình, thủ tục kiểm tra an ninh hàng không tàu bay trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) The securitycheck and search of aircraft shall be conducted according to security checklist. Each aircraft must have a checklist, the content of checklist must be regulated in AOSP of the air carriers(Article 68/Circular 01)/Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay và nội dung danh mục kiểm tra an ninh hàng không phải được quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không. (Điều 68/TT 01)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

c) Aircraft parking at apron must be protected by appropriate measures to detect, prevent from the illegal approach of person, vehicle for in/out carriage of items to aircraft./Tàu bay đỗ tại sân đỗ tàu bay phải được bảo vệ bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện, ngăn chặn người, phương tiện tiếp cận, đưa đồ vật lên, xuống hoặc để lại trên tàu bay một cách trái phép.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

d) Aircrafts are in operation, it must be subject to measures following requirements(Article 67/Circular 01)/Tàu bay đang khai thác phải được thực hiện các biện pháp đáp ứng các yêu cầu sau: ([Điều 67/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_067))

(i) Being under security surveillance continuously or its doors must be closed, locked, andsealed/Được giám sát an ninh hàng không liên tục hoặc được đóng, khóa, niêm phong cửa tàu bay;

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

(ii) Aircraft operators shall be responsible for recording and keeping list of persons and vehicles which are authorized to access the aircraft and serve for flight operation(Item 3, Article 67/Circular 01)/Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức ghi nhận và lưu giữ danh sách người, phương tiện được phép tiếp cận và phục vụ tàu bay.([Khoản 3, Điều 67/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_067_K3))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Who is responsible /Ai thực hiện:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

e) Access control and flight crew compartment protection(Article 69/Circular 01)/Kiểm soát tiếp cận tàu bay và bảo vệ khoang lái. ([Điều 69/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069))

Who are allowed to access and boarding?/Các trường hợp của hãng được phép tiếp cận và lên tàu bay.

**Please enumerate:**

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

**2.1.3**Cockpit protection(Article 69/Circular 01)/**Bảo vệ buồng lái**.** (**[Điều 69/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069))

a) When aircraft is in flight, the its cockpit doors shall be locked from the inside and and a discreet communication means between cabin attendants and cockpit crew shall be used to detect suspicious or threatening signs related to security in the passenger cabin(Item 1, Article 69/Circular 01)/Trong thời gian tàu bay đang bay, cửa buồng lái phải được khoá từ bên trong và có phương thức trao đổi thông tin bí mật giữa tiếp viên với tổ lái khi phát hiện nghi ngờ hoặc có dấu hiệu uy hiếp an ninh hàng không trong khoang hành khách. (Khoản 1, [Điều 69/ TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069)**)**

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) An aircraft with a maximum takeoff weight of 45,500 kg or the aircraft with a capacity of 60or more passengers must be met the following requirements: The cockpit door of aircraft shall be designed to be protected from small-arms; projectiles or thefragments or debris of a hand grenade and to prevent unauthorized and forcible entry; and there shall be equipment to allow cockpit crew to monitor entirely the area immediately adjacent to the cockpit door in order to be able to recognize the persons requesting entry into the cockpit and to detect suspected acts or potential threats.(Item 2, Article 69/Circular 01)/Tàu bay có trọng lượng cất cánh tối đa từ 45.500 kilôgam trở lên hoặc có sức chở từ 60 hành khách trở lên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: Cửa buồng lái tàu bay có khả năng chống lại vũ khí hạng nhẹ, mảnh lựu đạn hoặc việc sử dụng vũ lực để vào buồng lái trái phép; Có trang bị, thiết bị để tổ lái giám sát toàn bộ khu vực bên ngoài cửa buồng lái tàu bay nhằm nhận biết những người có yêu cầu vào buồng lái, phát hiện những hành vi nghi ngờ hoặc nguy cơ đe dọa tiềm ẩn. ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 2, [Điều 69/ TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

c) Air carriers shall ensure that none is authorized to access the cockpit after closing all aircraft doors until being opened for passenger disembarkation except the following subjects being agreed by the pilot-in-command(Item 3, Article 69/Circular 01)/Người khai thác tàu bay phải đảm bảo sau khi các cửa của tàu bay được đóng để khởi hành, không ai được phép vào buồng lái cho đến khi các cửa của tàu bay được mở ra để hành khách rời khỏi tàu bay ngoại trừ những đối tượng sau đây nếu Người chỉ huy tàu bay đồng ý: ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 3, [Điều 69/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

(i) Crewmember on duty/Thành viên tổ bay đang làm nhiệm vụ

(ii) Persons authorized by air carriers/Người được người khai thác tàu bay cho phép

(iii) Persons authorized to access the cockpit in according to applicable law/Người được phép vào buồng lái theo quy định pháp luật.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

d) Flight crewmembers are not allowed to leave the cockpit until being approved by the pilot-in-command; there must be at least 2 pilots in the cockpit. In the circumstance of only one, there must be one flight attendance in the cockpit with such pilot(Item 4, Article 69/Circular 01)/Thành viên tổ lái không được phép rời buồng lái khi chưa được người chỉ huy tàu bay cho phép; trong buồng lái phải luôn có mặt 02 người là thành viên tổ lái. Trong trường hợp bất khả kháng, chỉ có 01 thành viên tổ lái thì bắt buộc phải có mặt 01 tiếp viên và thành viên tổ lái đó. ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 4, [Điều 69/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 2.2 Control and monitor the security of crewmembers/Kiểm soát & giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay

2.2.1 Control and security monitoring for flight crew (Article 46/Circular 01)/**Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay (**[Điều 46/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_046)**)**

a) Aircraft operators shall provide list of crewmembers to AVSEC force before security check processing. Crewmembers shall wear company uniform according to the aircraft operators’ regulations, pack their baggage by themselves and are only permitted to bring baggage in compliance with the provisions of related law(Item 1, Article 46/Circular 01)/Người khai thác tàu bay phải cung cấp danh sách tổ bay cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trước khi tổ bay làm thủ tục kiểm tra an ninh hàng không. Tổ bay phải mặc trang phục theo quy định, tự đóng gói hành lý vàchỉ được phép mang hành lý theo quy định của pháp luật liên quan. (Khoản 1, Điều 46/TT 01)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) Crewmembers shall present their crewmember cardsatsecurity checkpoints. The security staff shall check their badges, compare with the list of crewmembers provided by the aircraft operator(Item 2, Article 46/Circular 01)/Thành viên tổ bay phải xuất trình thẻ nhận dạng tổ bay tại điểm kiểm tra an ninh hàng không. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra, đối chiếu danh sách tổ bay của chuyến bay do người khai thác tàu bay cung cấp với thẻ nhận dạng tổ bay.(Khoản 2, Điều 46/TT 01)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

c) The security screening, supervision, search of crewmembers and their baggage shall be carried out in the same manner as departure passengers and their baggage.(Item 3, Article 46/Circular 01)/Việc soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh đối với thành viên tổ bay và hành lý của họ được thực hiện như đối với hành khách, hành lý xách tay của hành khách xuất phát.(Khoản 3, Điều 46/TT 01)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

d) Airlines shall stipulate in details the security check of baggage and items of crewmembers in their AOSP(Item 4, Article 46/Circular 01)/Hãng hàng không quy định chi tiết việc kiểm soát hành lý, đồ vật của tổ bay khi lên tàu bay trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.(Khoản 4, Điều 46/TT 01)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

e) Foreign air carrier shall inform the template of crew ID card to Airport authority, AVSEC force of place of operation for supervision (Item 4, Article 1, Circular 45/2017/TT-BGTVT date 17/11/2017, amending some Articles of Circular 01/2016/TT-BGTVT date 01/02/2016)/Hãng hàng không nước ngoài phải thông báo mẫuthẻ nhận dạng tổ bay cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không khai thác để giám sát. (Khoản 4, Điều 1, TT 45/2017/TT-BGTVT ngày 17/11/2017, sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 2.3 Control and monitor the security of cargo, mail, postal matters and parcels/Kiểm soát & giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi

2.3.1 Cargo, mail, postal matters and parcels shall be security screened 100% by the X-ray machine(Article 53/Circular 01)/Hàng hóa, bưu gửi xuất phát phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu 100% ([Điều 53/ TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_053))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.3.2 If any suspicion found, manual check or other appropriate measures shall be applied. Manual check shall be conducted with the presentation of the owner or their legal representative or representative of air carrier concerned. If any unusual signs of threatening to security, safety of flights, cargo, parcels must be subjected to security search./Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hàng hoá, bưu gửi phải được lục soát an ninh hàng không.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.3.3 In case thescreened cargo, mail and postal matters and parcels are transported through public areas to aircraft, the transport means shall be escorted or put under security surveillance continuously in order to prevent the unauthorized introduction of dangerous items./Hàng hoá, bưu gửi xuất phát đã được kiểm tra an ninh hàng không mà phải vận chuyển qua các khu vực công cộng để ra tàu bay, phương tiện vận chuyển phải có người hộ tống hoặc có biện pháp giám sát thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.3.4 Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels must be applied with security screening, supervision in the same manner as departure ones, except cases confirmed in written or with security seals as confirmation of being undergone security check at departure location/Hàng hóa, bưu gửi trung chuyển phải được soi chiếu, giám sát an ninh hàng không như hàng hoá, bưu gửi xuất phát, trừ trường hợp có xác nhận bằng văn bản hoặc niêm phong xác nhận việc kiểm tra an ninh hàng không đã được thực hiện tại điểm xuất phát.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.3.5 Cargo, mail and postal matters and parcels carried in passenger flight shall be exempted from security check if:(Article 53/Circular 01)/Hàng hoá, bưu gửi trên tàu bay vận chuyển hành khách không phải kiểm tra an ninh hàng không trong các trường hợp sau:([Điều 53/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_053))

(a) Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels retained on board aircraft and put under security surveillance continuously/Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay, sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát an ninh hàng không thích hợp liên tục;

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

(b) Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels moved from apron to the cargo restricted areas; if cargo, mail and postal matters and parcels are carried through public areas to the cargo restricted areas and vice versa, they shall be sealed and put under security surveillance continuously in order to prevent the unauthorized introduction of dangerous items/Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển từ sân đỗ tàu bay vào khu vực lưu giữ hàng hóa qua khu vực công cộng và ngược lại được niêm phong an ninh và có biện pháp giám sát an ninh thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 2.4 Control and security monitoring of catering for crewmembers, equipment in the aircraft/Kiểm soát & giám sát an ninh đối với suất ăn cho thành viên tổ bay, đồ dùng trên tàu bay

2.4.1 Carts or bags of catering supplies taken onboard for crewmembers shall be attached with security seals after having undergone security screening. Only catering carts and bags under seals is accepted to access to restricted areas in the airport by Aviation Security staff and flight crew must be received catering carts and bags only if they remain fully security sealed security seal of catering company. (Article 56/Circular 01)/Tủ hoặc túi đựng suất ăn phục vụ trên tàu bay cho thành viên tổ bay sau khi được kiểm tra an ninh hàng không phải được niêm phong an ninh. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chỉ cho phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay nếu tủ, túi đựng suất ăn còn nguyên niêm phong an ninh hàng không của doanh nghiệp suất ăn. ([Điều 56/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_056))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Vietnam law/Nội dung khác biệt:*

2.4.2 Aircraft stores and suppliesshall be packed in container or bag and being under security check by X-ray machine. Such bag and containers shall be put security seal on after security inspection by X-ray machine and under continuous security supervision by appropriatesecuritymeasures until being loaded onto aircraft(Article 57/Circular 01)/Đồ vật phục vụ trên tàu bay phải có thùng hoặc túi đựng, được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X. Thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được niêm phong an ninh hàng không sau khi được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X và được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi đưa lên tàu bay, ([Điều 57/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_057))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.4.3 Aviation security re-checks:/Tái kiểm tra an ninh hàng không trong các trường hợp:

In the case security seals are broken or checked cargo, parcels, mail, stores, catering carts are damaged, the re-checks of such checked cargo,parcels,mail,stores,cateringcartsshallbeconductedbeforebeing loaded onto aircraft(Article 64/Circular 01)/Trường hợp niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn hoặc hàng hoá, bưu gửi, đồ vật phục vụ trên tàu bay, tủ, túiđựng suất ăn bị rách, vỡ phải tái kiểm tra an ninh hàng không trước khi chất xếp lên tàu bay.([Điều 64/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 2.5 Control and security monitoring for special forms/Kiểm soát & giám sát an ninh đối với các loại hình đặc biệt:

2.5.1 Transportation of weapons, supporting tools and war and radioative materials:

a) The transportation by air ofweapons, war materialand radioactivematerials into or through Vietnam’s territory is prohibitedexcept the following special cases: 1. Minister of National Defense decided some special cases allow the transportation ofweapons, war material by airinto or through Vietnam’s territory; 2. The Prime Minister decided some special cases to allowtransport of radioactive materials by air into or through Vietnam’s territory. (Article 159/Vietnam Civil Aviation Law)/Không được vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp: 1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam; 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam(Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11&61/2014/QH13, Điều 159).

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) Carriage of weapons, supporting tools on board of transit, arrival and departure flight from the Vietnam airport, which must be licenced by Vietnam State Agency (Item 2 and 36, Article 3 Circular 01/2016/TT-BGTVT)/Vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ trên tàu bay quá cảnh, đến và đi từ sân bay của Việt Nam phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép (Khoản 2 và 36, Điều 3/TT 01).

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.5.2 LAGs

a) When walking through security checkpoints to the international sterile area, each passenger, crewmember is allowed to carry the capacity of liquids not greater than 1 litre on his/her person, in his/her carry-on baggage. (Article 74/Circular 01)/Khi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không vào khu vực cách ly quốc tế, mỗi hành khách, thành viên tổ bay chỉ được mang không quá 01 lít chất lỏng theo người và hành lý xách tay; ([Điều 74/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_074))

Liquids must be carried in containers with a capacity not greater than 100 ml and such containers must be completely closed./và dung tích của mỗi chai, lọ, bình chứa chất lỏng không quá 100 mi-li-lít, đồng thời phải được đóng kín hoàn toàn.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) Not be applied for medications, baby milk, foods if meet following requirements:/Không áp dụng đối với chất lỏng là thuốc chữa bệnh, sữa, thức ăn cho trẻ em nếu đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Medications shall be accompanied by physician’s prescription with his/her full name and address; full name of the person who use medicine on the prescription is the same as passenger’s name on air ticket/Thuốc chữa bệnh có kèm theo đơn thuốc trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ của người kê đơn thuốc, họ và tên người sử dụng thuốc phù hợp với họ và tên trên vé hành khách;

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

(ii) Milk, food for children, infants must accompany with children, infants themselves/Sữa, thức ăn dành cho trẻ em, trẻ sơ sinh phải có trẻ em, trẻ sơ sinh đi cùng.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

c) Liquids whicharepurchasedatairportduty-freeshops in international sterile area, and oninternational flight are allowed to be carried on person, in carry-on baggage without any limitations, provided that the liquids are packed in a sealed transparent plastic bag/Chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế được phép mang theo người và hành lý xách tay không giới hạn dung tích với điều kiện phải đựng trong túi nhựa an ninh được dán kín.

Security plastic bag is the bag specialized for containing liquids, condensed liquids, spraying liquids purchased from duty free shops in the international sterile area and on international flight. This bag is transparent with design as described in Annex XXV of this Circular/Túi nhựa an ninh là túi nhựa chuyên biệt để đựng chất lỏng, các chất đặc sánh, dung dịch xịt mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế. Túi trong suốt có quy cách theo Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư 01/2016(Phụ lục XXV)

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 2.6 Diplomatic Pouches & Special Products / Túi ngoại giao & các vật phẩm đặc biệt

2.6.1 Diplomatic pouches, consular bags and special specimens, baggage, products (including: blood, the viscera, death bodies, human remain, ashes, animal products)/Túi ngoại giao, túi lãnh sự, và các vật phẩm đặc biệt (máu, bộ phận nội tạng, thi thể người, hài cốt, tro cốt, động vật sống, )

a) Diplomatic pouches and consular bags are exempt from X-ray screening, manual check, security search (Article 51/Circular 01)/Túi ngoại giao, túi lãnh sự được miễn soi chiếu tia X, kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không. ([Điều 51/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_051))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) Diplomatic pouches and consular bags shall be screened by X-ray machine in case the air carrier shall send an official letter to the head of AVSEC control force at airport, aerodrome. Such X-ray screening must be confirmed in written by air carrier, diplomatic or consular liaison officers, security personnel and Airport authority concerned; this record shall be sent to the diplomatic agencies. (Article 51/Circular 01)/Túi ngoại giao, túi lãnh sự được soi chiếu tia X trong trường hợp hãng hàng không trực tiếp vận chuyển có yêu cầu bằng văn bản gửi người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay. Việc soi chiếu tia X phải được ghi nhận bằng biên bản có sự xác nhận của hãng hàng không, giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không liên quan; biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao. ([Điều 51/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_051))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

2.6.2 Security check of special specimens, baggage, products(Article 55/Circular 01)/**Kiểm tra an ninh hàng không đối với vật phẩm đặc biệt**([Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

a) The exemption of security check and screening shall be apply to dead bodies transported by air which are placed in a closed aluminum coffin that is sealed. Process of packing and sealing shall be put under the supervision of the competent health agencies. Aluminum coffin shall have intact seals, attestation of death and other appropriate documentation of the competent health agencies and shall be applied security check by explosive detector(Item 1 & 8, Article 55/Circular 01)/Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với thi thể người vận chuyển bằng tàu bay được đặt trong hòm kẽm gắn kín. Quá trình đóng gói và niêm phong hòm kẽm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền giám sát. Hòm kẽm phải còn nguyên niêm phong và có văn bản xác nhận của cơ quan y tế giám sát kèm theo giấy chứng tử và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 1 & 8, [Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) The exemption of security check and screening shall be apply to the products made ​​from blood, the viscera for transplantation, vaccines, pharmaceutical product being sealed. The containners shall have security seals attached to, and written confirmation of the competent health agenciesand shall be applied security check by explosive detector(Item2& 8,Article 55/Circular 01)/Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với các sản phẩm làm từ máu, bộ phận nội tạng dùng cho việc cấy ghép, vắc-xin, các loại dược phẩm phải duy trì đóng gói kín. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 2& 8, [Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

c) The exemption of security check and screening shall be apply to dangerous goods that screening or security check will endanger the lives and health of security employees such as materials for nuclear research, radioactive materials. The containners shall have security seals attached to, and correspondence confirming the safety package of the competent state agencies and request correspondence of the competent state agencies.(Item 3, Article 55/Circular 01)/Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với những hàng hóa nguy hiểm mà việc soi chiếu hoặc kiểm tra trực quan sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không như các vật liệu cho nghiên cứu hạt nhân, vật liệu phóng xạ. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận tình trạng đóng gói an toàn, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.(Khoản 3, [Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

d) Security control of human remains (including ashes) shall be conducted in the same manner as normal cargo, except cases requested by the individual or the state agencies concerned, foreign diplomatic ahencies and approved by the head of AVSEC control force at airport, aerodrome and shall be applied security check by explosive detector(Item 4& 8,Article 55/Circular 01)/Đối với hài cốt, tro cốt, việc kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện như đối với hàng hoá, hành lý thông thường, trừ trường hợp có đề nghị miễn soi chiếu tia X của cá nhân, cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài và phải được người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay chấp nhận và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 4 & 8, [Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

e) Animal, animal products easily damaged which can not be screened by X-ray machine ifthere is a confirmation by competent agencies, and shall be subjected to manual check or other appropriate security measuresand shall be applied security check by explosive detector(Item 5& 8,Article 55/Circular 01)/Đối với động vật sống, vật phẩm dễ bị hỏng trong trường hợp có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền không thể kiểm tra bằng soi chiếu tia X thì phải kiểm tra trực quan hoặc biện pháp khác thích hợpvà phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 5 & 8, [Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

f) Thetransportationofdangerousitemsmustcomplywithregulationson carriage of dangerous goods by air. Those dangerous items must be packed, labeled and declared before acceptance for carriage. Air carrier shall be responsible to inspect, define to comply with the regulations on carriage of dangerous goods by air.Ifdangerousitems are detectedduringsecuritycheck,AVSEC control force shall have to inform to air carrier for final decision(Item 6, Article 55/Circular 01)/Vận chuyển hàng nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không. Hàng nguy hiểm phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy định và khai báo trước khi chấp nhận để vận chuyển. Hãng hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định sự tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không trước khi chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm. Khi kiểm tra an ninh hàng không phát hiện hàng nguy hiểm, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải thông báo cho hãng vận chuyển xem xét quyết định.(Khoản 6, [Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

g) Some of medical articles are dangerous items (regulation in the Decision No 1531/QĐ-CHK dated11st June 2017 on the list of dangerous items which are prohibited from being carried on person, carry-on and checked baggage and the list of dangerous items which are permitted from being carried on person, carry-on and checked baggage). The carriage of those items on board in case of looking after patients and honor guards must be accepted by representative of air carrier and head of AVSEC control force at airport, aerodromeand shall be applied security check by explosive detector(Item 7 & 8, Article 55/Circular 01)/Việc mang theo trang thiết bị y tế là vật phẩm nguy hiểm theo người lên tàu bay để chăm sóc bệnh nhân và đối tượng cảnh vệ phải được đề nghị bằng văn bản, được sự đồng ý của đại diện hãng hàng không và người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bayvà phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ.(Khoản 7 & 8, [Điều 55/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

# 3. CONTINGENCY PLAN EVALUATION/ĐÁNH GIÁ VỀ AN NINH ĐỐI PHÓ

Contingency plan - contingency plans should be consistent with national and airport contingency plans (guidance on contingency planning can be found in Chapter 17 of Doc 8973);/Phương án khẩn nguy phải phù hợp với phương án khẩn nguy của mỗi quốc gia và cảng hàng không, sân bay (hướng dẫn về phương án khẩn nguy được quy định tại Chương 17, Doc 8973)

A proactive plan to include measures and procedures addressing various threat levels, risk assessments and the associated security measures to be implemented, designed to anticipate and mitigate events as well as prepare all concerned parties having roles and responsibilities in the event of an actual act of unlawful interference. A contingency plan sets forth incremental security measures that may be elevated as the threat increases. It may be a stand-alone plan or included as part of a Crisis Management Plan/Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp là phương án bao gồm các biện pháp, thủ tục cho các mức độ đe dọa khác nhau, đánh giá nguy cơ và các biện pháp an ninh hiệp đồng phối hợp được thực hiện, được trù liệu trước về vai trò, trách nhiệm của cơ quan tổ chức có liên quan khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng. Các biện pháp bảo đảm an ninh trong phương án khẩn nguy có thể tăng hoặc giảm theo mức độ đe dọa cụ thể. Phương án khẩn nguy có thể được xây dựng riêng rẽ hoặc là một phần của kế hoạch ứng phó khủng hoảng.

3.1 Is there a regulation of contingency plan dealing with acts of unlawful interference against civil aviation activities in AOSP?/ Hãng hàng không có quy định về Phương án khẩn nguy, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng hay không?.

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

3.2 How many levels of enhanced aviation security are there regulated in AOSP when appear high threats to civil aviation security ?/Có bao nhiêu cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không được quy định trong chương trình an ninh của hãng khi có nguy cơ cao đối với an ninh hàng không dân dụng?.

.........................................................................................................................................................

How do the AOSP regulate to apply levels of enhanced aviation security when appear high threats to civil aviation security?/Các cấp độ triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy trong chương trình an ninh hàng không của hãng như thế nào?.

.........................................................................................................................................................

The operators of aircraft, airlines and the relevant bodies and units have follow the directions of the Civil Aviation Authority of Vietnam in implementation of enhanced security control measures corresponding to the applicable ehanced level/Người khai thác tàu bay, hãng hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan phải thực hiện ngay theo chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam về triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường tương ứng với cấp độ được áp dụng.

Reference / Tham chiếu: Article 79, Circular 01/2016/TT-BGTVT/Điều 79, TT 01

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

3.3 The security check of aircraft shall comply with regulations on enhanced security measures, contingency plan dealing with acts of unlawful interference against civil aviation activities at airport/Việc lục soát an ninh tàu bay được thực hiện theo quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh tăng cường, phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

Searches of aircraft, passengers, crew members, baggages, cargo, mail and parcelshould be carried outif there is any information ofunscreened dangerous devices on board an aircraft duringsecurity checking and screening process before loaded onto aircraft (Article 9/Decree 92)/Việc lục soát an ninh hàng không được thực hiện đối với tàu bay, hành khách, thành viên tổ bay, hành lý, hàng hóa, bưu gửi trên tàu bay trong trường hợp có thông tin trên tàu bay có vật phẩm nguy hiểm mà chưa được phát hiện, xác định trong quá trình kiểm tra, soi chiếu trước khi đưa lên tàu bay.**(**[Điều 9/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_09))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

3.4 In the case of detecting unusual signs or any threatening information relating to security and safety of aircraft, searches of screened crew members, flight servicing staffs, relevant personnels, cargo, mail and parcel should be carried out(Article 9/Decree 92)/Việc lục soát an ninh hàng không được thực hiện khi kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hàng hóa, bưu gửi, phương tiện mà phát hiện dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa đến an ninh, an toàn của chuyến bay.**(**[Điều 9/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_09))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

3.5 Searches of aircraft shall be conducted according to the list. There must be checklists of aircraft security searches for each type ofaircraft and retained in the aircraft(Article 68/Circular 01)/Việc lục soát tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục lục soát an ninh tàu bay.([Điều 68/TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_068))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

3.6 Reporting and notification procedure/Báo cáo – Quy trình báo cáo sự cố

Reporting sample, the time of reporting/Báo cáo ai, mẫu báo cáo, thời hạn báo cáo

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

# 4. TRAINING PROGRAME/ĐÀO TẠO – HUẤN LUYỆN

Security training programme — the development and implementation of this programme should be undertaken in accordance with the State’s NCAOSP, and should reflect the standards, policies and procedures contained in the NCASTP (guidance on security training programmes for specific entities can be found in Chapter 8); and recruitment and training of security staff and/or handling agents; and/ Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không – việc xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phải bảo đảm tuân thủ theo chương trình an ninh hàng không dân dụng Quốc gia và phải phản ánh được các tiêu chuẩn, chính sách và quy trình quy định trong chương trình an ninh hàng không dân dụng (hướng dẫn về chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không cho từng đối tượng được quy tại Chương 8); và quy trình tuyển dụng, đào tạo nhân viên an ninh hàng không và/ hoặc nhân viên giao nhận; và

## 4.1 Regulations about policy, organization/security training programme/Có quy định về chính sách, tổ chức/bộ máy huấn luyện đào tạo ANHK

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 4.2 There are programs and content summaries of security training programme/Có chương trình, nội dung tóm lược về huấn luyện đào tạo ANHK

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 4.3 Recruitment and employee background checks/Tuyển dụng và thẩm tra lý lịch nhân viên

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

# 5. QUALITY CONTROL PROGRAME/KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Quality control programme — the development and implementation of this programme should be undertaken in line with the State’s NCAOSP and the aircraft operator security programme. The implementation of quality control functions, including audits, inspections, tests and surveys, is essential to ensuring the maintenance and sustainability of effective aviation security measures in commercial air transport operations (guidance on aviation security quality control functions can be found in Chapter 7)./ Chương trình kiểm soát chất lượng - việc xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phải bảo đảm tuân thủ theo chương trình an ninh hàng không dân dụng Quốc gia và nhà khai thác tàu bay. Thực hiện việc kiểm soát chất lượng bao gồm: thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm và khảo sát là điều cần thiết nhằm đảm bảo duy trì và phát triển bền vững các biện pháp an ninh có hiệu quả trong hoạt đông vận chuyển hàng không thương mại (hướng dẫn về chương trình kiểm soát chất lượng được quy định tại Chương 7)

## 5.1 Policies, organizational structure/ quality control of aviation security/Có chính sách, tổ chức/bộ máy kiểm soát chất lượng ANHK

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 5.2 Responsibility of people in charge of aviation security quality control/Có quy định nhiệm vụ của người làm công tác kiểm soát chất lượng ANHK

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 5.3 Assessment activities of the foreign authoritiesandairlines in Vietnam must be allowed by the CAAV(Article 104/Circular 01)/Hoạt động đánh giá của nhà chức trách, hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam phải được Cục Hàng không Việt Nam cho phép. ([Điều 104/ TT 01](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_104))

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

## 5.4 Operation activites of the foreign airlines in Viet Nam are subjected to aviation security inspection, survey, overt and covert test, and investigation by CAAV andits regional airport administration (Item 1, Article 103/ Circular 01) / Hoạt động khai thác của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam phải chịu sự **kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều traan ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không tại sân bay Việt Nam (Khoản 1, Điều 103/TT 01).**

*Specified at what point/Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/Tuân thủ:  Difference/Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

*Measures to overcome differences/Biện pháp khắc phục các khác biệt:*

**6. THE AIRLINE’S COMMITTAL / CAM KẾT CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG**

**Fully comply with the aviation security regulations of Vietnam when operating activites ofthe airlines in Viet Nam / Tuân thủ đầy đủ các quy định về an ninh hàng không của Việt Nam khi hãng hàng không hoạt động khai thác tại Việt Nam**

*Fullycomply/Tuân thủ đầy đủ:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Signature of the person who complete the questionnaire**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  **Name & title**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  | **Signature and stamp of the Head of aviation security of the airlines**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Name & title**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

-End-